

Số: **54**/QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày **26** tháng **02** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ Quảng Trị

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ và Chánh Văn phòng UBND tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế các Quyết định số: 2481/QĐ-UBND ngày 12/9/2017; 3210/QĐ-UBND ngày 20/11/2017; 2330/QĐ-UBND ngày 09/10/2018; 1833/QĐ-UBND ngày 19/7/2019; 3126/QĐ-UBND ngày 15/11/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC-VPCP;
- Trung tâm phục vụ HCC tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC^(2b)



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Sỹ Đồng

150-1-01

112



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HOÁ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ
CASA SOKHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 26 / 02 / 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)



TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng					
1.	Công bố sử dụng dấu định lượng 2.000212.000.00.00.H50	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường số 04/2011/QH 13 ngày 11/11/2011; - Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 về nhãn hàng hoá; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 Thông tư Quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.
2.	Điều chỉnh nội dung của bản công bố sử dụng dấu định lượng 1.000449.000.00.00.H50	03 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường số 04/2011/QH 13 ngày 11/11/2011; - Nghị định 89/2006/NĐ-CP ngày 30/8/2006 về nhãn hàng hoá; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Thông tư 21/2014/TT-BKHCN ngày 15/7/2014 Thông tư Quy định về đo lường đối với lượng của hàng đóng gói sẵn.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3.	Đăng ký kiểm tra nhà nước về do lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu 1.000438.000.00.00.H50	10 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đo lường số 04/2011/QH 13 ngày 11/11/2011; - Nghị định 86/2012/NĐ-CP ngày 19/10/2012 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đo lường; - Thông tư 28/2013/TT-BKHCN ngày 17/12/2013 Quy định kiểm tra Nhà nước về do lường; - Luật 68/2006/QH11 ngày 12/07/2006 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa; - Thông tư 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 Thông tư Quy định về công
4.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận 2.001209.000.00.00.H50	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	150.000 đồng	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
5.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh 2.001207.000.00.00.H50	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	150.000 đồng	<p>bổ hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Thông tư 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31/3/2017 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12 tháng 12 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>- Luật 68/2006/QH11 ngày 12/07/2006 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;Nghị định 74/2018/NĐ-CP;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 Thông tư Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 02/2017/TT-BKHCHN ngày 31/3/2017 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHCHN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; - Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.
6.	<p>Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành</p> <p>2.001268.000.00.00.H50</p>	5 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>	<p>150.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật 68/2006/QH11 ngày 12/07/2006 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 127/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; - Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
7.	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	150.000 đồng	<p>sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>- Thông tư 28/2012/TT-BKH&CN ngày 12/12/2012 Thông tư Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Thông tư 02/2017/TT-BKH&CN ngày 31/3/2017 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKH&CN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p> <p>-Luật 68/2006/QH11 ngày 12/07/2006 Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Nghị định số 127/2007/NĐ-CP ngày 01/8/2017 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Nghị định 78/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 Nghị định Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	và Công nghệ ban hành 2.001277.000.00.00.H50					<p>127/2007/ND-CP quy định chi tiết thi hành một số Điều Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Nghị định 132/2008/ND-CP ngày 31/12/2008 Nghị định Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 74/2018/ND-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/ND-CP chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>- Thông tư 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 Thông tư Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Thông tư 02/2017/TT-BKHHCN ngày 31/3/2017 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>- Thông tư 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.</p>
8.	Cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là	5 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ	Trực tiếp/BCCI		<p>-Luật 06/2007/QH12 Luật Hóa chất;</p> <p>-Luật 05/2007/QH12 Luật Chất lượng sản</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa</p> <p>1.006851.000.00.00.H50</p>		<p>hành chính công tỉnh</p>			<p>phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 Nghị định Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa;</p> <p>-Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>-Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 Nghị định của Chính phủ Quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>-Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 Nghị định 14/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>-Thông tư 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 Thông tư Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;</p> <p>-Thông tư 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ô xy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.
9.	Chi định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận 2.001208.000.00.00.H50	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; -Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá; -Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP chất lượng sản phẩm hàng hoá; -Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;
10.	Thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chi định 2.001100.000.00.00.H50	25 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; -Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP chất lượng sản phẩm hàng hoá;

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>-Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;</p>
11.	<p>Cấp lại Quyết định chi định tổ chức đánh giá sự phù hợp 2.001501.000.00.00.H50</p>	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>-Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;</p>
12.	<p>Đăng ký tham dự sơ tuyển, xét tặng giải thưởng chất lượng quốc gia</p>	<p>Hàng năm (Quy trình nội bộ là 68 ngày)</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>-Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	2.001269.000.00.00.H50		công tỉnh			<p>Chỉ tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>-Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 Nghị định sửa đổi Nghị định 132/2008/NĐ-CP chất lượng sản phẩm hàng hóa;</p> <p>Nghị định 43/2017/NĐ-CP ngày 14/4/2017 Nghị định về Nhân hàng hóa;</p> <p>-Nghị định 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 9/11/2018 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;</p> <p>- Luật 68/2006/QH11 - Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;</p> <p>-Nghị định 132/2008/NĐ-CP - Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chất</p>
13.	<p>Kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu</p> <p>2.001259.000.00.00.H50</p>	01 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		
14.	<p>Miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu</p>	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	1.001392.000.00.00.H50					<p>Lượng sản phẩm, hàng hóa:</p> <p>-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá;</p> <p>-Luật 06/2007/QH12 Luật Hóa chất;</p> <p>-Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 Nghị định Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa;</p> <p>-Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;</p> <p>-Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 Nghị định của Chính phủ Quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;</p> <p>-Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 Nghị định 14/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt;</p> <p>-Thông tư 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 Thông tư Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa;</p> <p>-Thông tư 09/2018/TT-BKHCN ngày 01/7/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều</p>
15.	<p>Cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa</p> <p>2.002231.000.00.00.H50</p>	05 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>Thông tư số 09/2016/TT-BKH&CN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>-Luật 05/2007/QH12 - Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; -Luật 06/2007/QH12 Luật Hóa chất; -Nghị định 29/2005/NĐ-CP ngày 10/03/2005 Nghị định Quy định danh mục hàng hoá nguy hiểm và việc vận tải hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa; -Nghị định 108/2008/NĐ-CP ngày 07/10/2008 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; -Nghị định 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 Nghị định của Chính phủ Quy định danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; -Nghị định số 14/2015/NĐ-CP ngày 13/2/2015 Nghị định 14/2015/NĐ-CP của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường sắt; -Thông tư 09/2018/TT-BKH&CN ngày 01/7/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 09/2016/TT-BKH&CN ngày 09/6/2016 của Bộ trưởng Bộ KH&CN</p>
16.	<p>Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa 2.002232.000.00.00.H50</p>	02 ngày làm việc	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
II	Lĩnh vực Sở hữu trí tuệ					<p>quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p> <p>-Thông tư 09/2016/TT-BKHCN ngày 09/6/2016 Thông tư Quy định trình tự, thủ tục cấp giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất oxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.</p>
17.		Cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp. 1.003542.000.00.00.H50	01 tháng kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	250.000 Đồng (Phí thẩm định hồ sơ yêu cầu cấp Giấy chứng nhận tổ chức giám định sở hữu công nghiệp:)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
18.	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp 2.001483.000.00.00.H50</p>	<p>15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp; - Thông tư 04/2012/TT-BKHHCN ngày 02/4/2012 Thông tư về việc tuyên chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước; - Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp. - Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ; - Thông tư 18/2011/TT-BKHHCN ngày 22/7/2011 Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2007/TT-BKHHCN ngày 14/02/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHHCN và Thông tư số 01/2008/TT-BKHHCN ngày 25/02/2008, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHHCN ngày 27/3/2009; - Thông tư 01/2008/TT-BKHHCN ngày 25/02/2008 Thông tư Hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp; - Thông tư 04/2009/TT-BKHHCN 27/3/2009 Thông tư Sửa đổi, bổ sung</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
						<p>Thông tư số 01/2008/TT - BKHCN ngày 25/02/2008 hướng dẫn việc cấp, thu hồi Thẻ giám định viên sở hữu công nghiệp và Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp;</p> <p>- Thông tư 04/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 Thông tư về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước;</p> <p>-Thông tư 263/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Thông tư Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí sở hữu công nghiệp.</p>
19.	<p>Tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý)</p> <p>2.000419.000.00.00.H50</p>	<p>32 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>-Luật 29/2013/QH13 Luật Khoa học và công nghệ ;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>- Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26/6/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <p>-Nghị định 08/2014/ND-CP ngày 27/01/2014 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;</p>
20.	<p>Thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án</p>	<p>Thay đổi thời gian thực hiện dự án:15 ngày kể từ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>-Luật 29/2013/QH13 Luật Khoa học và công nghệ ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000912.000.00.00.H50	ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Các thay đổi, điều chỉnh khác: 30 ngày kể từ thời điểm nhận được hồ sơ hợp lệ.	công tỉnh			<ul style="list-style-type: none"> -Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; - Thông tư 04/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 Thông tư về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020; -Luật 29/2013/QH13 Luật Khoa học và công nghệ ; -Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; - Thông tư 04/2012/TT-BKHCN ngày 02/4/2012 Thông tư về việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; dự án sản xuất thử nghiệm cấp nhà nước; - Thông tư số 17/2017/TT-BKHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;
21.	Chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý) 2.000905.000.00.00.H50	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
22.	<p>Đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đôi với dự án địa phương quản lý)</p> <p>2.000895.000.00.00.H50</p>	<p>-Thành lập hội đồng: Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án hợp lệ;</p> <p>- Tổ chức họp hội đồng: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có Quyết định thành lập hội đồng;</p> <p>- Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện dự án.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		<p>-Luật 29/2013/QH13 Luật Khoa học và công nghệ ;</p> <p>-Nghị định 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 Nghị định Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;</p> <p>- Thông tư số 17/2017/TT-BKHHCN ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định về quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020;</p> <p>-Thông tư 11/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 Thông tư Quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>-Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 30/12/2015 Thông tư Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.</p>
III	Lĩnh vực An toàn bức xạ hạt nhân					
23.	<p>Cấp và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế)</p>	<p>10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>	<p>Lệ phí : 200.000 Đồng (1 chứng chỉ)</p>	<p>-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử;</p> <p>-Thông tư 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	2.002254.000.00.00.H50				Phí: Đồng (Thẩm định đề phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở thuộc nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 5 theo quy định tại QCVN 6:2010/BKH CN, thiết bị phát tia X quang chẩn đoán y tế và thiết bị phát tia X khác: 500.000 đồng/1 bản	-Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
24.	Phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế). 2.002252.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí: Đồng (Thẩm định đề phê duyệt đối với Kế hoạch ứng phó sự cố cấp cơ sở thuộc nhóm nguy cơ IV - Cơ sở tiến hành công việc bức xạ sử dụng nguồn phóng xạ thuộc nhóm 5 theo quy định tại QCVN 6:2010/BKH CN, thiết bị phát tia X quang chẩn đoán y tế và thiết bị phát tia X khác: 500.000 đồng/1 bản	-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử; -Thông tư 25/2014/TT-BKHHCN ngày 08/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc chuẩn bị ứng phó và ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân, lập và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân. -Thông tư 08/2010/TT-BKHHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ ; -Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (kê hoạch)	Căn cứ pháp lý
25.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.000086.000.00.00.H50	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí : 2.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị X-quang chụp răng) Phí : 2.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị X-quang chụp vú) Phí : 2.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị X-quang di động) Phí : 3.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị X-quang chẩn đoán thông thường) Phí : 3.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị đo mật độ xương:) Phí : 5.000.000 Đồng (Phí thăm định Thiết bị X-quang tăng sáng truyền hình) Phí : 8.000.000 Đồng (Phí thăm	-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử; -Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; -Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					định Thiết bị X-quang chụp cắt lớp vi tính) Phí : 16.000.000 Đồng (Phí thăm định Hệ thiết bị PET/CT)	
26.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí : Đồng (Phí thăm định an toàn bức xạ; 75% mức thu phí thăm định cấp giấy phép mới.)	-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử; -Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; -Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.
27.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử; -Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ;
28.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế)	10 Ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử; -Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ; -Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu,

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
29.	Cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế) 2.000069.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<p>-Luật 18/2008/QH12 Năng lượng nguyên tử;</p> <p>-Thông tư 08/2010/TT-BKHCN ngày 22/7/2010 Thông tư hướng dẫn việc khai báo, cấp phép và cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ ;</p> <p>-Thông tư 287/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử.</p>
III	Lĩnh vực hoạt động Khoa học công nghệ					
30.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương 1.004473.000.00.00.H50	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 Nghị định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ;</p> <p>- Thông tư 14/2014/TT-BKHCN ngày 11/06/2014 Thông tư Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;</p>

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
31.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước 1.004460.000.00.00.H50	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 Nghị định về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; - Thông tư 14/2014/TT-BKHCHN ngày 11/06/2014 Thông tư Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;
32.	Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương 1.004467.000.00.00.H50	05 ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCHN ngày 6/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
33.	Đánh giá xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước 1.006427.000.00.00.H50	- Đối với trường hợp đặc cách cấp Giấy xác nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. - Đối với trường hợp không phải là đặc cách cấp Giấy xác	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí : (Tổ chức, cá nhân đề nghị bảo đảm chi trả. Mức chi áp dụng theo quy định hiện hành đối với các nhiệm vụ khoa học và	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
34.	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN ngày 6/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.
35.	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức	45 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 02/2015/TT-BKHCN ngày 6/3/2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định việc đánh giá và thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	Khỏe con người 2.002144.000.00.00.H50					<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;
36.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001786.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí: 3.000.000 Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCN-Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ
37.	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001716.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí: 3.000.000 Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 03/2014/TT-BKHCN-Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
38.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001770.000.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí: 1.000.000 Đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN-Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ
39.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001747.000.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí: 1.500.000 Đồng (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi vốn của tổ chức KH&CN) Lệ phí: 2.000.000 Đồng (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động KH&CN)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; - Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN-Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					<p>của tổ chức KH&CN) Lệ phí: 1.000.000</p> <p>Đông (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên của tổ chức KH&CN) Lệ phí: 1.000.000</p> <p>Đông (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi tên cơ quan quyết định thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp của tổ chức KH&CN) Lệ phí: 1.500.000</p> <p>Đông (Đối với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của tổ</p>	

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					chức KH&CN) Lệ phí: 1.000.000 Đồng (Đổi với Thủ tục cấp Giấy chứng nhận trong trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu của tổ chức KH&CN)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; -Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN-Hướng dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ
40.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ 1.001693.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí: 1.000.000 Đồng (Đổi với trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện,	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; -Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN-Hướng
41.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Lệ phí: 1.000.000 Đồng (Đổi với trường hợp đăng ký thay đổi tên văn phòng đại diện,	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ; -Thông tư 03/2014/TT-BKH&CN-Hướng

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	nghệ 1.001677.000.00.00.H50				chi nhánh) Lệ phí: 1.500.000 Đồng (Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện, chi nhánh) Lệ phí: 1.000.000 Đồng (Đối với trường hợp đăng ký thay đổi người đứng đầu văn phòng đại diện, chi nhánh) Lệ phí: 2.000.000 Đồng (Đối với trường hợp đăng ký thay đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động khoa học và công nghệ của văn phòng đại diện, chi nhánh) Lệ phí: 1.000.000 Đồng (Đối với trường hợp đăng ký thay	dẫn điều kiện thành lập và đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ, văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ; - Thông tư 298/2016/TT-BTC- Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định điều kiện hoạt động về khoa học, công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					đổi thông tin của tổ chức khoa học công nghệ ghi trên giấy chứng nhận hoạt động văn phòng đại diện, chi nhánh)	
42.	Cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ 1.000764.000.00.00.H50	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
43.	Cấp thay đổi nội dung, cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ 2.001525.000.00.00.H50	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		- Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
44.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyên gia công nghệ (từ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) 2.002248.000.00.00.H50	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí: 5.000.000-10.000.000 Đông (Đối với các hợp đồng chuyên gia công nghệ đăng ký lần đầu thì phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ được tính theo tỷ lệ	-Luật 07/2017/QH14Luật chuyên gia công nghệ; -Nghị định 76/2018/NĐ-CP Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyên gia công nghệ; -Thông tư 169/2016/TT-BTC - Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng chuyên giao công nghệ nhưng tối đa không quá 10 (mười) triệu đồng và tối thiểu không dưới 05 (năm) triệu đồng.)	
45.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ) 2.002249.000.00.00.H50	5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI	Phí: 3.000.000-5.000.000 Đồng (Đối với các hợp đồng chuyên giao công nghệ đề nghị đăng ký sửa đổi, bổ sung thì phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ được tính theo tỷ lệ bằng 0,1% (một phần nghìn) tổng giá trị của hợp đồng sửa đổi, bổ sung nhưng tối đa không quá 05 (năm) triệu đồng và tối thiểu không	-Luật 07/2017/QH14-Luật chuyên giao công nghệ; -Nghị định 76/2018/NĐ-CP-Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ; -Thông tư 169/2016/TT-BTC - Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định hợp đồng chuyên giao công nghệ; -Thông tư 02/2018/TT-BKHCN

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					dưới 03 (ba) triệu đồng.)	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/04/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
46.	Hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ	12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		
47.	Hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ	- Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ: Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ khi có kết quả làm việc của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ. - Công bố công khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cổng thông tin điện tử của địa phương quản lý: Trong thời hạn 05 ngày	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ. - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		làm việc kể từ ngày phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ được hỗ trợ.)				tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ: - Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/04/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.
48.	Hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
49.	Mua sáng chế, sáng kiến	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
50.	Xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động urom tạo	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
	<p>công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ</p> <p>2.001179.000.00.00.H50</p>	<p>- Trường hợp cần thiết, UBND cấp tỉnh tổ chức Hội đồng để thẩm tra hồ sơ trước khi có văn bản trả lời. Thời gian thẩm tra và trả lời không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>				<p>tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu.</p> <p>- Thông tư số 14/2017/TT-BKHHCN ngày 01/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết xác định phương tiện vận tải, máy móc, thiết bị, phụ tùng, vật tư chuyên dùng và danh mục tài liệu, sách báo, tạp chí khoa học quy định tại khoản 2 điều 40 Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu- Quyết định 30/2018/QĐ-TTg</p> <p>- Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017;</p> <p>- Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013;</p> <p>- Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.</p> <p>- Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/05/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ qui định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;</p> <p>- Thông tư số 03/2017/TT-BKHHCN ngày 03/04/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và</p>
51.	<p>Hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ</p> <p>2.001643.000.00.00.H50</p>	<p>12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</p>	<p>Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh</p>	<p>Trực tiếp/BCCI</p>		

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
52.	Công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<p>Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Chuyển giao công nghệ số 07/2017/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 19/06/2017; - Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ.
53.	Hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ	12 Ngày làm việc	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18/6/2013; - Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/05/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước; - Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03/04/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
54.	Đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam 2.000058.000.00.00.H50	25 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh	Trực tiếp/BCCI		<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư 31/2014/TT-BKHCN ngày 06/11/2014 hướng tư Quy định một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; - Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ; - Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05/7/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30/7/2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ.

Tổng cộng: 54 thủ tục hành chính

